

Số: 121/2017/QĐST-HNGĐ

Phú Vang, ngày 03 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Văn S, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh H.

Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh H.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Văn S và bà Trần Thị D

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Ông Văn S và bà Trần Thị D có 03 người con chung

- Văn Đình Q, sinh ngày: 06/02/2003

- Văn Đình Nhật D, sinh ngày: 31/5/2008

- Văn Đình Nhật T, sinh ngày: 21/12/2010

Ông Văn S và bà Trần Thị D thỏa thuận giao 03 cháu Văn Đình Q, Văn Đình Nhật D và Văn Đình Nhật T cho ông Văn S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trần Thị D đóng tiền cấp dưỡng nuôi 03 người con cho ông Văn S mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Văn Đình Nhật T, sinh ngày: 21/12/2010 trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Ông Văn S và bà Trần Thị D, mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, bà Trần Thị D chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng. Hai bên thỏa thuận ông Văn S chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng thay cho bà Dung. Do đó, bà Trần Thị D không phải chịu án phí. Tổng cộng, ông Văn S phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2013/003686 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang. Ông Văn S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- UBND xã V;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS Phú Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

VÕ SƠN